

1

huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVL và bà TTP; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2016, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông PVM - Luật sư Công ty Luật TNHH NC thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

4. NVS, sinh ngày 23/10/1995 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn QT, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVD và bà ĐTC; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông BHN - Luật sư Văn phòng Luật sư BHN thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

5. NVH, sinh ngày 04/5/1998 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn HT, xã HP, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVH và bà PTN; có vợ NTB và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2019, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông LĐG - Luật sư Văn phòng luật sư ML thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt, bị cáo NVH từ chối Luật sư bào chữa)

6. NVD, sinh ngày 25/5/1972 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn QT, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVH và bà TTL (đều đã chết); có vợ ĐTC và 03 con: con lớn nhất là NVS, sinh năm 1995 (là bị cáo trong vụ án), con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông TĐX - Luật sư Văn phòng Luật sư ML thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh LTB, sinh năm 1993. (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông LTĐ, sinh năm 1960 (là bố đẻ bị hại) và chị NTT, sinh năm 1993 (là vợ bị hại); cùng địa chỉ: Thôn 6 xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt ông LTĐ, vắng mặt chị NTT)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

CVN (tên gọi khác NT) có quen biết với NVH và NVS. Trong một lần ngồi uống rượu cùng nhau tại xã HĐ, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa, NVS và NVH nói cho CVN biết việc NVS có mâu thuẫn với anh LTP, sinh năm 1996, trú tại thôn 6, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa. CVN nói với NVS và NVH là nếu gặp LTP thì gọi CVN đến để giải quyết.

Khoảng 18h ngày 26/01/2016, NVS và NVH nhìn thấy anh LTP (là bạn của chú rể) đến đám cưới con gái ông NVV (nhà gái) ở thôn QT, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa chơi, NVH nói với NVS *“Thằng LTP kia, có chơi không”* (NVS và NVH khai nhận *“chơi”* có nghĩa là đánh LTP để trả thù), NVS nói lại với NVH *“Thôi không chơi được đâu, tao vừa bị Công an huyện xử lý”*, nghe NVS nói vậy nên NVH nói *“Để tao gọi cho anh NT”*. Sau đó NVS có gọi anh LTP ra ngoài để nói chuyện nhưng anh LTP không đồng ý và lấy xe máy rồi đi khỏi đám cưới nhà ông NVV.

Khoảng 20 phút sau, anh LTB (anh trai của anh LTP) đi xe máy cùng với anh PVT, sinh năm 1993 ở thôn 6, xã HT đến đám cưới chơi. Cùng lúc đó có một số thanh niên khác ở xã HT đi xe ô tô loại 16 chỗ ngồi cũng đến chơi tại đám cưới con gái ông NVV.

Thấy có đông thanh niên ở xã HT đến, NVT (em trai NVS) đến chỗ bàn NVS và NVH đang ngồi nói với NVS và NVH *“Bọn HT mang dao kiếm đến đông lắm”*. Lúc này, NVS nghĩ rằng anh LTP gọi người đến để đánh mình nên NVS nói với NVH *“Mày gọi cho anh NT chưa”*, sau đó NVS đi vào trong nhà ông NVV để nhắn tin cho bố là NVD với nội dung: *“Bọn HT đang vây con dưới đám cưới”*.

Nhận được tin nhắn của NVS, NVD đi từ nhà sang đám cưới nhà ông NVV để xử lý nhằm giải vây cho NVS. Thấy NVD xử lý ngoài công nên NVS chạy sang nhà ông NVV, đối diện với đám cưới lấy một cái xẻng ra để đánh nhau, nhưng được mọi người can ngăn nên NVS vứt xẻng xuống rồi bỏ về nhà.

Sau khi nghe NVS hỏi đã gọi cho NT xuống chưa thì NVH đã mượn điện thoại để gọi cho CVN và nói *“Bọn HT đi xe ô tô mang theo dao kiếm xuống, anh đến đi, bọn nó đang đánh bọn em trên này”*. Lúc này, CVN đang ngồi uống rượu cùng với CVB và NVP cùng một số người khác tại nhà anh TVC, sinh năm 1986 ở gần nhà CVN. Sau khi nghe điện thoại của NVH, CVN nói với CVB và NVP *“Đi đây với anh giúp bọn này tý, chúng đang đánh nhau ở HT”*. CVB và NVP đồng ý đi nên CVN điều khiển xe mô tô Exciter BKS 36B3-997.87 chở NVP ngồi giữa, CVB ngồi sau cùng đi đến xã HT. Trước khi đi, CVN lấy một con dao to (dạng đao) mà CVN đã cất giấu từ trước ở cổng thoát nước gần nhà rồi đưa con dao này cho CVB cầm. Trên đường đi, CVN bảo với CVB khi nào đến nơi thì đưa con dao cho CVN sử dụng, nhưng CVB chỉ đồng ý đưa cho CVN một con dao bấm (con dao bấm này CVB thường bỏ trong túi để phòng thân).

Do CVN không biết đường đi nên NVH liên tục gọi điện cho CVN để hướng dẫn đường đi. Khi đến địa phận xã HT, CVN đổi tay lái cho NVP để NVP chở CVN và CVB đến đám cưới, lúc này CVB đưa dao bấm cho CVN. Khi nhóm của CVN đi đến đầu đường đi vào đám cưới thì gặp NVH, NVH dẫn nhóm của CVN đi qua đám cưới vào trong nhà NVS. Khi vào sân nhà NVS thấy đông người đang tập trung, trong đó có NVC (em của NVS), NVD (bố của NVS) đang cầm 1 thanh sắt dài khoảng 40cm và đang có thái độ rất hung hăng chửi bới sang phía đám cưới nhà ông NVV. Khi thấy nhóm của CVN đến, NVC giới thiệu NVD với nhóm của CVN nên NVD biết nhóm CVN đến giúp đánh nhóm thanh niên xã HT. Có thêm lực lượng đông và có hung khí cũng cố tinh thần nên NVD liền hô hào kích động *“Bọn HT mang dao kiếm xuống đám cưới để phá đám, sang đánh bỏ mẹ bọn hần đi”*, đồng thời cầm thanh sắt dẫn đầu đi sang đám cưới. Thấy vậy, CVN và CVB liền cầm hung khí đi theo NVD sang đám cưới để đánh nhóm thanh niên xã HT, còn NVP thì ngồi chờ tại sân nhà NVD.

Khi ra đến gần rạp cổng đám cưới, NVD hung hăng chửi bới và định xông vào trong rạp cưới để xô xát, gây gổ với nhóm thanh niên xã HT, nhưng được bà ĐTC (vợ NVD) và một số người kéo về nhà. Lúc này, CVB cầm con dao to (dạng đao) đứng ngoài cổng để canh chừng và khi cần thiết sẽ hỗ trợ cho CVN, còn CVN đi vào trong rạp đám cưới.

Nhìn thấy sự việc xô xát giữa một người đàn ông với anh LTB nên CVN xác định mục tiêu cần đánh chính là LTB, CVN liền lấy con dao bấm bỏ trong túi quần, cầm dao bằng tay phải, bấm cho lưỡi dao bật ra, rồi tiến lại gần vị trí anh LTB đang đứng trên hè, vừa đi CVN vừa nói *“Thôi, không có gì, không có gì”*, đồng thời vung dao đâm mạnh 02 nhát vào người anh LTB ở tư thế đối diện. Anh LTB bị CVN đâm trúng vào ngực kêu lên *“Tao bị đâm vào tim rồi”* và ôm ngực đi vài bước vào trong nhà rồi đổ gục xuống. Mọi người có mặt tại đó lập tức đưa anh LTB đi cấp cứu nhưng anh LTB đã bị chết trên đường đến Bệnh viện.

Sau khi dùng dao đâm anh LTB, CVN cầm dao bỏ chạy ra ngoài để thoát thân và bị rơi một chiếc dép bên trái. Khi chạy ra đến cổng rạp đám cưới, CVN nói to với mọi người *“Tao vừa đâm một thằng hai nhát trong đám cưới”, “Tao bị rơi dép rồi”* rồi cùng CVB, NVP chạy về nhà NVS. Khi chạy đến cổng nhà NVS thì CVN và CVB vứt hai con dao vừa sử dụng gây án tại sân nhà NVS rồi nói với NVS: *“Tao vừa đâm một thằng hai nhát trong đám cưới, mày không được nói với ai”*. CVN vứt chiếc dép còn lại của mình trước cổng nhà NVS rồi cùng với CVB lên xe máy do NVP điều khiển chạy thoát khỏi hiện trường.

NVS biết việc CVN dùng dao đâm anh LTB trong đám cưới rồi vứt dao tại sân nhà mình trước khi bỏ trốn nên NVS đã nhặt con dao to vứt xuống rãnh thoát nước sau nhà và ném con dao bấm vào khe bếp của gia đình anh T, chị H (là hàng xóm với nhà NVS) để tránh sự phát hiện của cơ quan Công an.

Sáng ngày 27/01/2016, biết tin LTB đã chết, CVN và CVB rủ nhau bắt xe khách bỏ trốn, đến 7h ngày 29/01/2016, CVN và CVB đến cơ quan Công an xin

đầu thú; 17h ngày 01/02/2016, NVP đến cơ quan Công an xin đầu thú (BL 14; BL44 - 199; 202 - 215; 217-255; 307-321; 978-1015; 1020-1035; 1040-1052; 1382 - 1407; 1726- 1745)

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vào hồi 5h00 ngày 27/01/2016 thể hiện (BL 05 - 06):

Hiện trường nơi xảy ra vụ án thuộc khuôn viên nhà ông NVV ở thôn QT, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; phía Tây giáp nhà ông NVN, phía Nam giáp đường liên thôn, phía Đông là đường xóm. Nhà ông NVV là nhà đổ mái bằng ba gian, có 2 cửa ra vào, quay hướng Nam, bên trong nhà được kê các đồ vật dụng của gia đình. Ngoài ra còn có khu nhà bếp, chuồng lợn tạo thành hình chữ L. Sân nhà ông NVV lát gạch, hiện tại đang dựng rạp đám cưới.

Quá trình khám nghiệm phát hiện 01 đôi dép bọt cỡ 42, loại dép hai quai màu trắng, đen, đỏ trên đường xóm ở gần khu vực nhà ông NVV. Ngoài ra không phát hiện thấy dấu vết, đồ vật gì nghi vấn.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi anh LTB hồi 22 giờ 40 phút ngày 26/01/2016 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa xác định (BL 03- 04):

- Chiều dài tử thi: 1,68m, thể tạng trung bình, đang trong thời kỳ co cứng. Phía trên bên ngoài mặc áo phao dài tay màu xanh, trắng. Bên trong mặc áo len dài tay màu tím than. Phía dưới bên ngoài mặc quần dài cạp chun (dạng quần thể thao) màu xanh, bên trong mặc quần lót màu ghi. Hai chân đi tất màu nâu. Bàn tay phải đeo găng tay len màu đen.

- Dấu vết trên quần áo:

Áo phao: Vùng ngực trái của thân áo trước thấm ướt máu. Vết rách xuyên thủng áo không rõ hình KT (6,5 x 1)cm tại vùng ngực áo trái, vết cách khóa kéo giữa 8,5cm, cách mép trên cổ áo 20,6cm, bờ mép vết gọn; vị trí giữa vết có dạng uốn bẻ góc, mép vết rách tại đây nham nhở. Xem xét vết rách tương ứng tại mặt trong áo thấy: vết có KT (5 x 0,2)cm, bờ mép vết gọn, vị trí giữa vết có dạng uốn bẻ góc.

Áo len: Vùng ngực trái của thân áo trước thấm ướt máu. Vết rách xuyên thủng áo không rõ hình KT (4 x 0,25)cm tại vùng ngực áo trái, vết cách đường chỉ nách áo bên trái 12,5cm, cách mép trên cổ áo 9,5cm, bờ mép vết gọn, tại vị trí cách đầu dưới của vết 0,5cm các sợi len chưa bị đứt hết, vị trí giữa vết có dạng uốn bẻ góc.

- Dấu vết tổn thương trên cơ thể:

Vết rách tổ chức da, cơ dạng hình bầu dục KT (4,8 x 2,1) cm cách 4cm trên trong núm vú trái, rãnh thương đi từ trái sang phải, chếch từ trên xuống dưới, bờ mép vết sắc gọn; vị trí giữa vết mép vết rách có dạng uốn bẻ góc.

Vết rách tổ chức da, cơ không rõ hình kích thước 4cm x 0,8cm tại mặt trong cổ tay trái và phần trên lòng bàn tay trái, vết có chiều từ trên xuống dưới, từ sau về trước, bờ mép vết sắc gọn.

- Mô tử thi: Rãnh thương vùng ngực trái xuyên qua khoang liên sườn 3,4,5 bên trái làm đứt nhóm cơ liên sườn tương ứng, đứt hoàn toàn sụn sườn số 4 bên trái, KT (4,8x 0,6)cm, vết cách đường giữa xương ức 5cm. Rãnh thương làm rách thùy dưới phổi trái, KT (2,6 x 0,15)cm, xuyên rách mặt trước bên trái màng ngoài tim, dài 3cm, khoang ngoài tim có khoảng 70ml máu loãng. Rãnh thương xuyên thấu cơ tim tâm thất trái, tại mặt trước KT (2,1 x 0,6)cm, tại mặt sau KT (0,6 x 0,4) cm và kết thúc tại khoang ngoài tim. Tổ chức xung quanh rãnh thương tụ máu.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số: 122/GDPY-PC54 ngày 27/01/2016, bác sỹ pháp y NMT và LCK kết luận:

Nguyên nhân chết: “Sốc mất máu do vết thương xuyên thấu tim”.

* *Về bồi thường dân sự:* Theo báo cáo của gia đình anh LTB, tổng chi phí cấp cứu, mai táng cho anh LTB hết số tiền 62.740.000đ (BL 133-134). Gia đình bị can đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình anh LTB tổng số tiền là 105.000.000đ; trong đó CVN đã bồi thường 25.000.000đ, CVB bồi thường 30.000.000đ; NVP bồi thường 40.000.000đ; NVH 10.000.000đ. Gia đình bị hại yêu cầu phía gia đình các bị can thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự và nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con của bị hại theo quy định của pháp luật (BL136; 147 -148)

* *Vật chứng và các đồ vật liên quan đến vụ án:*

01 (một) con dao nhọn (dạng dao bấm gấp) màu đen chiều dài 22cm, phần lưỡi dao dài 10cm, chỗ rộng nhất của bản dao là 2cm.

01 (một) con dao chiều dài 64cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 45cm, chỗ rộng nhất của bản dao là 8cm.

01 (một) đôi dép bọt, cỡ 42, có hai quai màu trắng.

Các vật chứng nêu trên đang được quy trữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa chờ xử lý.

Tại Cáo trạng số 32/CT -VKS- P2 ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa Quyết định:

Truy tố CVN, CVB, NVP về tội: “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93; NVS về tội “Che giấu tội phạm” theo khoản 1 Điều 313 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2017/HSST ngày 16/5/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa Quyết định:

Tuyên bố: bị cáo CVN, CVB, NVP phạm tội: “Giết người”; NVS phạm tội “Che giấu tội phạm”.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; (thêm Điều 47 đối với NVP); Điều 53 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt: CVN tù chung thân; CVB 15 năm tù; NVP 10 năm tù.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: NVS 04 năm tù.

Ngoài ra còn tuyên về thời gian chấp hành hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi xử sơ thẩm, các bị cáo CVN, CVB, NVP kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt, CVN còn kháng cáo đề nghị điều tra lại một số tình tiết không đúng của vụ án;

Gia đình bị hại kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xử sai tội danh đối với NVP và bỏ lọt tội phạm đối với NVD, NVS.

Tại Bản án phúc thẩm số 435/2018/HSST ngày 26/8/2018 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã Quyết định:

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 25/2017/HSST ngày 26/5/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết theo thủ tục chung, với các lý do:

Quá trình điều tra có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm đối với NVH, NVD;

Việc xử lý NVS tội “Che giấu tội phạm” là chưa đúng tội danh.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKS- P2 ngày 05/8/2019 của VKSND tỉnh Thanh Hóa Quyết định:

Truy tố CVN, CVB, NVP về tội: “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93; NVS, NVH về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã 02 lần có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Tại Cáo trạng số 74/CT -VKS- P2 ngày 03/8/2020 của VKSND tỉnh Thanh Hóa Quyết định:

Truy tố CVN, CVB, NVP về tội: “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93; NVS và NVH về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999; NVD về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 131/2020/HSST ngày 22/9/2020 của TAND tỉnh Thanh Hóa Quyết định:

Tuyên bố: CVN, CVB, NVP, NVS và NVH phạm tội: “Giết người”; NVD phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 đối với CVN, CVB, NVP; (Điều 47 đối với NVP); (Điều 53; Điều 33 đối với CVB, NVP); (Điều 34 đối với NVP).

Xử phạt: CVN tù chung thân, thời gian chấp hành tính từ ngày 29/01/2016; CVB 14 năm tù, thời gian chấp hành tính từ ngày 24/01/2016; NVP 09 năm tù, thời gian chấp hành tính từ ngày 01/02/2016; NVS 10 năm tù về tội “Giết người”.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 93; điểm b khoản 1 Điều 46 đối với NVS, NVH; (điểm p khoản 1 Điều 46 đối với NVS, NVH); (Điều 53; Điều 33; Điều 69; Điều 74 đối với NVH).

Xử phạt: NVS 10 năm tù, thời gian chấp hành tính từ ngày 02/4/2019, được trừ thời gian tạm giam 01 tháng 11 ngày; NVH 06 năm tù về tội “Giết người” tính từ ngày 30/3/2019.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 245; điểm h khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với NVD.

Xử phạt: NVD 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và giành quyền kháng cáo.

Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo NVS kháng cáo: Xin giảm hình phạt.

Bị cáo NVD kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo tội “Gây rối trật tự công cộng” là không đúng, đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án.

Gia đình bị hại kháng cáo: Đề nghị tăng hình phạt đối với CVN; đề nghị xử NVS, NVH và NVD đều về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định kháng nghị số 42/QĐ-VC1-HS ngày 21/10/2020 với nội dung: Đề nghị TAND cấp cao tại Hà Nội hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại sơ thẩm.

Tại Bản án phúc thẩm số 418/2021/HSPT ngày 29/9/2021 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã Quyết định:

Chấp nhận kháng nghị của VKSND cấp cao tại Hà Nội, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2020/HSST ngày 22/9/2020 của TAND tỉnh Thanh Hóa, giao hồ sơ cho VKSND tỉnh Thanh Hóa giải quyết theo thủ tục chung, với các lý do:

Tòa án cấp sơ thẩm xử CVN, CVB, NVP, NVS, NVH cùng đồng phạm về tội danh “Giết người” là đúng, nhưng hành vi của tất cả các bị cáo nêu trên đều phải bị xét xử theo tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự mới chính xác;

Hành vi của NVD cũng phải bị truy tố, xét xử về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo CVN, CVB, NVP, NVS, NVH và NVD phạm tội: “Giết người”.

1.1. Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 39 Bộ luật Hình sự 2015. Xử

phạt: CVN tù “Chung thân”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/01/2016;

1.2. Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt: CVB 14 (Mười bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/01/2016;

1.3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt: NVD 14 (Mười bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2022;

1.4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt: NVS 12 (Mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2019, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/02/2016 đến ngày 14/3/2016;

1.5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 18; Điều 58, Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt : NVP 10 (Mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/01/2016;

1.6. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt: NVH 09 (Chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2019.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 591, 593, 600 Bộ luật Dân sự; Điều 117, khoản 1 Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

Buộc các bị cáo phải liên đới cấp dưỡng hàng tháng cho các con chưa thành niên của anh LTB gồm: Cháu LTMQ, sinh ngày 04/10/2013 và cháu LTLN, sinh ngày 01/7/2016 với số tiền là: 2.000.000đ/tháng/01 cháu.

Chia theo phần: CVN phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/02 cháu; CVB, NVD, NVS, NVP và NVH mỗi bị cáo phải cấp dưỡng mỗi tháng 600.000đ/02 cháu.

Thời gian cấp dưỡng đối với cháu LTMQ kể từ khi anh LTB chết (ngày 21/01/2016); thời gian cấp dưỡng đối với cháu LTLN kể từ khi cháu ra đời (ngày 01/7/2016) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/10/2022, ông LTB và chị NTT là người đại diện hợp pháp của bị hại LTB có đơn kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt tù đối với các bị cáo NVD và NVS, đồng thời đề nghị tăng mức cấp dưỡng cho 02 con của bị hại đối với tất cả 06 bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của bị hại LTB giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức cấp dưỡng cho 02 con của bị hại đối với tất cả 06 bị cáo; rút một phần kháng cáo về việc đề nghị tăng nặng hình phạt tù đối với các bị cáo NVD và NVS

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348, điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông LTD về việc đề nghị tăng nặng hình phạt tù đối với các bị cáo NVD và NVS; không chấp nhận kháng cáo của chị NTT là người đại diện hợp pháp của bị hại LTB về việc kháng cáo tăng nặng hình phạt tù đối với các bị cáo NVD và NVS, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về hình phạt tù đối với các bị cáo NVD và NVS; chấp nhận kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của bị hại về việc kháng cáo tăng mức cấp dưỡng cho 02 con của bị hại đối với tất cả 06 bị cáo, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về tăng mức cấp dưỡng cho 02 con của bị hại đối với tất cả 06 bị cáo.

Các Luật sư bào chữa của bị cáo CVN và NVP đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên mức cấp dưỡng cho 02 con của bị hại như bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo CVN và NVP nhất trí với đề nghị của Luật sư, không bổ sung gì.

Bị cáo CVB và NVH đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên mức cấp dưỡng cho 02 con của bị hại như bản án sơ thẩm đã tuyên

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo NVD và NVS đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về việc tăng nặng hình phạt tù và tăng mức cấp dưỡng cho 02 con của bị hại đối với các bị cáo NVD và NVS. Các bị cáo NVD và NVS nhất trí với lời bào chữa của các Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đơn kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của bị hại gửi trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông LTD là người đại diện hợp pháp của bị hại xin rút một phần nội dung kháng cáo về việc đề nghị tăng nặng hình phạt tù đối với

các bị cáo NVD và NVS. Do đó cần đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo này của ông LTD theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị NTT là người đại diện hợp pháp của bị hại về việc đề nghị tăng nặng hình phạt tù đối với các bị cáo NVD và NVS:

[2.1] Về xác định hành vi phạm tội:

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai những người làm chứng, hậu quả chết người đã xảy ra và vật chứng thu giữ của vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/01/2016, tại nhà ông NVV ở thôn QT, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa tổ chức đám cưới cho con gái. Bị cáo CVN mặc dù không có mâu thuẫn gì với nhóm thanh niên ở xã HT đến nhà ông NVV chơi đám cưới, song do muốn giúp đỡ các bị cáo NVS và NVH (NVS đang có mâu thuẫn, xích mích với LTP ở xã HT), nên khi nhận được điện thoại của NVH (do NVS giục NVH gọi điện thoại cho CVN), bị cáo CVN đã đồng ý và rủ thêm các bị cáo CVB và NVP (đang ngồi uống rượu cùng ở xã HĐ) mang theo hung khí (thanh đao và dao nhọn dạng bấm) đi đến đám cưới để đánh nhóm thanh niên ở xã HT. Do CVN đã uống nhiều rượu nên trên đường đi NVP đổi tay lái chở CVN và CVB đến đám cưới. Trên đường đi, NVH liên tục gọi điện chỉ đường và ra đón CVN, CVB vào nhà NVS. Tại nhà NVS, khi thấy nhóm của CVN đến, bị cáo NVD (bố NVS) đã hung hăng cầm đoạn gậy sắt hô hào, kích động *“Bọn HT đi xe ô tô mang theo dao kiếm xuống đám cưới để phá đám, sang đánh bỏ mẹ bọn hần đi”*, đồng thời cầm gậy sắt dẫn đường đi sang đám cưới, CVN, CVB đi theo, CVB cầm thanh đao đứng ngoài cổng đám cưới để canh chừng, hỗ trợ khi cần thiết. Bị cáo CVN cầm con dao bấm nhọn do CVB đưa đi vào rạp đám cưới, khi nhìn thấy một người đàn ông (CVN xác định đó là NVD) xô xát đập một thanh niên đang đứng trên hè (lời khai của CVN phù hợp với lời khai của NVH là bị cáo NVD có cầm gậy sắt hung hăng xô xát trong rạp đám cưới). Cho rằng đối tượng bị đập thuộc nhóm thanh niên xã HT nên bị cáo CVN đã lao vào đâm người này hai nhát, hậu quả người bị đâm là anh LTB (người đến dự đám cưới) tử vong trên đường đi cấp cứu.

Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xảy ra ngay tại đám cưới của gia đình ông NVV. Các bị cáo vô nguyên cớ cầm dao xông vào đám cưới, thể hiện sự coi thường quy tắc cơ bản của cuộc sống, coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm đến quyền sống của con người được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Do thời gian xảy ra vụ án trước 00 giờ ngày 01/01/2018, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

Như Bản án sơ thẩm đã phân tích, trong vụ án này có nhiều đối tượng tham gia, giữa các bị cáo có mối quan hệ quen biết là bố con, bạn bè, nhanh chóng tiếp nhận ý chí của nhau và cùng thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể:

Đối với bị cáo CVN trực tiếp dùng dao nhọn đâm 02 nhát chí mạng gây nên cái chết cho anh LTB, hành vi của bị cáo manh động, quyết liệt, coi thường tính mạng người khác nên bị cáo CVN giữ vai trò đầu vụ; bị cáo CVB là trợ thủ đắc lực cho CVN, đưa dao bấm nhọn cho CVN gây án và cầm thanh đao đứng ở cổng đám cưới để uy hiếp, hỗ trợ, giúp sức tích cực nên bị cáo CVB giữ vai trò thứ hai; bị cáo NVD, khi nhận được tin nhắn của con trai là NVS nhắn đang bị bọn HT vây ở đám cưới, bị cáo NVD không tìm hiểu sự việc mà hung hăng sang chửi bới, khi thấy nhóm bị cáo CVN đến nhà, sẵn đang bức tức trong người bị cáo NVD tiếp tục hung hăng, hô la kích động “...sang đánh bỏ mẹ bọn hần đi ...”, đồng thời cầm gậy sắt dẫn đường chạy sang đám cưới nhà ông NVV gây sự mà không cần biết đến hậu quả sẽ xảy ra như thế nào. Từ việc nhờ vả, xúi giục của các NVS, NVH nên các bị cáo CVN, CVB và NVP mới mang theo hung khí đến nhà NVS, tại đây do chính sự xúi giục, kích động tinh thần thêm của bị cáo NVD nên các bị cáo CVN, CVB đã đi theo bị cáo NVD xông vào đám cưới và bị cáo CVN đã cầm dao đâm chết anh LTB. Do đó, bị cáo NVD là đồng phạm về tội “Giết người” với vai trò kích động, giúp sức tích cực và ở vị trí ngang nhau với CVB; đối với bị cáo NVP không có mâu thuẫn gì nhưng a đua đi theo, có hành vi điều khiển xe máy chở bị cáo CVN và CVB đến đám cưới, sau khi bị cáo CVN gây án xong đã chở bị cáo CVN và CVB chạy thoát khỏi hiện trường nên bị cáo NVP là người giúp sức với vai trò thứ ba; đối với các NVS và NVH, nguyên nhân vụ án bắt đầu từ NVS, do bị cáo NVH là bạn của NVS nên cả hai đều thống nhất nhờ bị cáo CVN đến để đánh nhau và NVH là người liên tục gọi điện giục giã, chỉ đường và đón bị cáo CVN vào nhà NVS. Các bị cáo NVH và NVS tuy không trực tiếp tham gia đánh nhau, nhưng biết bị cáo CVN mang theo hung khí giúp mình đánh nhau với nhóm thanh niên xã HT đã không can ngăn mà mong muốn hậu quả xảy ra. Sau khi biết bị cáo CVN gây án, NVS còn có hành vi cất giấu hung khí nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan Công an, do đó các NVS và NVH có vai trò là người xúi giục, giúp sức và ở vị trí thứ ba.

[2.3] Xét mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo NVD và NVS thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét một cách khách quan, đầy đủ, toàn diện vụ án cũng như vai trò, động cơ, mục đích, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã gây ra, trong đó Tòa án cấp sơ thẩm đã kết tội và tuyên phạt bị cáo NVD 14 năm tù, bị cáo NVS 12 năm tù là phù hợp với vai trò của các bị cáo, đúng quy định của pháp luật, không nhẹ nên kháng cáo của chị NTT là người đại diện hợp pháp của bị hại về việc tăng nặng hình phạt tù đối với các bị cáo NVD và NVS không được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của bị hại về việc tăng mức cấp dưỡng cho 02 con của bị hại đối với tất cả 06 bị cáo:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải liên đới thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con chưa thành niên của bị hại LTB gồm: Cháu LTMQ, sinh ngày 04/10/2013 và cháu LTLN, sinh ngày 01/7/2016 mỗi cháu 2.000.000đ/tháng và quyết định thời gian cấp dưỡng đối với các cháu là có cơ sở. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu 2.000.000đ/tháng như bản án sơ thẩm đã tuyên là có phần còn thấp, chưa đáp ứng được cuộc sống bình thường của các cháu. Để đảm bảo cho nhu cầu ăn, học cũng như sự phát triển thể chất và tinh thần về trước mắt cũng như lâu dài cho các cháu, cần chấp nhận kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của bị hại, buộc 06 bị cáo phải liên đới thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con chưa thành niên của bị hại LTB từ 2.000.000đ/tháng/cháu lên 3.250.000đ/tháng/cháu là phù hợp với thực tế và mức lương tối thiểu theo khu vực 4/địa bàn huyện HH, tỉnh Thanh Hóa quy định tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ.

Chia theo phần: Bị cáo CVN phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ/02cháu; các bị cáo CVB, NVD, NVS, NVP và NVH, mỗi bị cáo phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/02cháu. Thời gian cấp dưỡng đối với cháu LTMQ kể từ khi anh LTB chết (ngày 21/01/2016); thời gian cấp dưỡng đối với cháu LTLN kể từ khi cháu LTLN được sinh ra (ngày 01/7/2016) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; những người đại diện hợp pháp của bị hại LTB không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, Điều 348, điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo tăng nặng hình phạt tù của ông LTD là người đại diện hợp pháp của bị hại đối với các bị cáo NVD và NVS.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của chị NTT là người đại diện hợp pháp của bị hại. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về hình phạt tù đối với các bị cáo NVD và NVS.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo NVD 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2022.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo NVS 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2019, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/02/2016 đến ngày 14/3/2016.

[3] Chấp nhận phần kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của bị hại LTB. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc tăng mức cấp dưỡng cho 02 con của bị hại đối với tất cả 06 bị cáo.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587, 591 và 593 Bộ luật Dân sự; Điều 117, khoản 1 Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Buộc các bị cáo CVN, CVB, NVP, NVS, NVH và NVD phải liên đới có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho các con chưa thành niên của anh LTB gồm: Cháu LTMQ, sinh ngày 04/10/2013 và cháu LTLN, sinh ngày 01/7/2016 với số tiền là: 3.250.000đ/tháng/01cháu.

Chia theo phần: Bị cáo CVN phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ/02cháu; các bị cáo CVB, NVD, NVS, NVP và NVH mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng đối với cháu LTMQ kể từ khi anh LTB chết (ngày 21/01/2016); thời gian cấp dưỡng đối với cháu LTLN kể từ khi cháu được sinh ra (ngày 01/7/2016) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu các bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; những người đại diện hợp pháp của bị hại LTB không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- TTG - CA tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo (qua trại);
- Người bào chữa;
- Người ĐDHP của bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh